|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trường Tiểu học Hứa Tạo** Họ và tên học sinh :…………………………………………..Lớp:………………………….. |  **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I** Năm học: 2024-2025 Môn: Tiếng Việt - Lớp 4 Thời gian : 40 phút. Ngày kiểm tra: ……………….. | **Giám thị 1** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm**  | **Nhận xét** **………………………………………….****…………………………………………..** | **Giám khảo 1**  | **Giám khảo 2**  |

**I. Kiểm tra Đọc: (10 điểm)**

**1. Đọc thành tiếng: (2 điểm)**

**2. Đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt: (8 điểm)**

*Đọc bài sau và khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất hoặc hoàn thành theo yêu cầu:*

**MỘT ƯỚC MƠ**

Hồi nhỏ, tôi rất thích đi học và tất cả những gì thuộc về nó: lớp học, bảng đen, sách vở, những người bạn, tiếng giảng bài của thầy cô,…Và luôn ao ước sẽ có một ngày, tôi tự hào giương cao tấm bằng tốt nghiệp trong niềm vui sướng và ánh mắt mừng vui của mọi người.

Nhưng tôi là con một gia đình nghèo, đông anh em. Tôi phải quyết định nghỉ học và xin làm việc trong một tiệm bánh. Từ đó ước mơ của tôi cũng lụi tàn dần.

Lớn lên, như bao người phụ nữ khác, tôi lấy chồng, sinh con. Tôi quyết tâm không để các con mình thất học, phải sống khổ sở như tôi. Và hai vợ chồng tôi đã làm việc cật lực để nuôi dạy các con thành tài.

Duy chỉ có cô con gái út Linh là có vấn đề. Linh từ nhỏ đã ốm yếu, khó nuôi, nên ít có trường nào nhận dạy con bé lâu dài. Không đành lòng nhìn con đi theo vết xe đổ của mình, tôi bắt đầu hỏi thăm và tìm hiểu. Cuối cùng, tôi cũng kiếm được trường, đăng kí không chỉ cho Linh mà còn cho cả tôi cùng học nữa. Tôi muốn ở bên cạnh con, giúp đỡ nó và sâu xa hơn là tiếp tục thực hiện giấc mơ của mình.

Thật là thú vị khi lại được đến trường. Nhưng cũng không dễ dàng chút nào khi ở tuổi 58, tôi phải vừa làm công việc nhà, vừa đánh vật với những con số. Hai mẹ con tôi luôn động viên, an ủi và giúp đỡ nhau trong học tập. Cứ thế cho đến ngày chúng tôi tốt nghiệp.

Thật không ngờ, đến cuối đời, tôi mới được sống cho mình, cho hạnh phúc và ước mơ của mình. Có lẽ hơi trễ một chút nhưng tôi nhận ra một điều: đừng bao giờ chôn vùi những ước mơ! Hãy vững tin rằng, một ngày mai ta sẽ biến chúng thành hiện thực. Không cần nhờ vào những điều kì diệu ở đâu xa, mà tất cả những gì ta đạt được hôm nay là do sự phấn đấu không ngừng, và quyết tâm không từ bỏ niềm mơ ước trong lòng mỗi chúng ta. Quả thật, sẽ không bao giờ là quá muộn để bạn bắt đầu một giấc mơ!

*(Đặng Thị Hòa)*

**Câu 1:** *(0,5 điểm)* **Tác giả của câu chuyện đã có ước mơ gì?**

A. Được đi học. B. Được làm cô giáo.

C. Được mẹ hối thúc gọi dậy đi học.D. Được mọi người khen học giỏi

**Câu 2:** *(0,5 điểm)* **Vì sao tác giả lại không được đến trường như bao bạn khác?**

A. Vì tác giả học kém không dám đi học. B. Vì nhà tác giả nghèo, đông anh em.

C. Vì nhà tác giả nhiều người không đi học. D. Vì chiến tranh đã phá nát trường học.

**Câu 3:** *(0,5 điểm)* **Vì sao tác giả lại đi học cùng con gái mình?**

A. Vì tác giả muốn ở bên cạnh con, giúp đỡ con trong quá trình học tập.

B. Vì tác giả muốn tiếp tục thực hiện ước mơ được đi học của mình.

C. Vì tác giả là người nuông chiều con cái, và con gái hay ốm đau, bệnh tật.

D. Vì tác giả muốn ở bên cạnh con, giúp đỡ con trong quá trình học tập và muốn tiếp tục thực hiện ước mơ được đi học của mình.

**Câu 4:** *(0,5 điểm)***Để vượt qua những khó khăn trong quá trình học tập hai mẹ con đã làm gì?**

A. Người mẹ vừa làm việc nhà, vừa đi học.

B. Luôn mơ mộng một chút để thấy cuộc sống thêm tươi đẹp.

C. Hai mẹ con luôn động viên, an ủi và giúp đỡ nhau trong học tập.

D. Luôn nghĩ về quá khứ khi còn đi học để cuộc đời tươi đẹp hơn.

**Câu 5:** *(1 điểm)* **Câu chuyện muốn nói với em điều gì?**

**Câu 6:** *(1 điểm)* **Là một học sinh, em có ước mơ gì cho tương lai? Để thực hiện những ước mơ đó, em cần phải làm gì từ bây giờ?**

**Câu7.** *(1 điểm)* **Hãy tìm 2 động từ chỉ trạng thái thể hiện cảm xúc của em khi bài kiểm tra giữa học kì I được điểm cao và đặt câu với một trong các động từ tìm được.**

Động từ:........................................................................................................................

**Đặt câu:.........................................................................................................................**

**Câu 8: *(1 điểm)* Viết lại các tên riêng; tên cơ quan, tổ chức dưới đây cho đúng.**

|  |  |
| --- | --- |
| trạm y tế thị trấn ái nghĩa | ………………………………………………………………… |
| trường tiểu học hứa tạo | ………………………………………………………………… |
| vỏ thị sáu | ………………………………………………………………… |

**Câu 9:** *(1 điểm)***Xếp các từ in đậm trong đoạn văn sâu vào đúng bảng dưới đây:**

**Quê hương** em là **Đồng Tháp**, một vùng đất miền **Tây Nam Bộ** nổi tiếng với những **cánh đồng lúa** bát ngát, **kênh rạch** chằng chịt và **cầu khỉ** độc đáo. Nông sản nức tiếng của **Đồng Tháp** là trái **sầu riêng**, được đánh giá là ngon nhất **Việt Nam**.

|  |  |
| --- | --- |
| **Danh từ chung** | **Danh từ riêng** |
|  …………………………………………………………………………………………. |  …………………………………………………………………………………………. |

**Câu 10: *(1 điểm)* Chuyển câu sử dụng dấu ngoặc kép sau đây thành câu sử dụng dấu gạch ngang.**

Ông nâng bổng cô con gái nhỏ lên vai, đi thẳng ra phòng khách, hân hoan nói: “Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!”.

**II. Kiểm tra Viết: (10 điểm)**

***Đề bài:******Viết bài văn kể lại một câu chuyện em đã đọc hoặc đã nghe.***

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**MÔN TIẾNG VIỆT GIỮA HKI – LỚP 4**

**NĂM HỌC: 2024 – 2025**

 **I. Phần kiểm tra đọc**

**1. Đọc thành tiếng (2 điểm)**

Giáo viên cho học sinh bốc xăm các bài tập đọc không có trong chương tình sách giáo khoa để học sinh học đọc và trả lời câu hỏi:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn của đọc thành tiếng**  | **Điểm**  |
| + Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu.  | 0,5đ  |
| + Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng), đọc diễn cảm  | 0,5đ  |
| + Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa.  | 0,5đ  |
| + Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc  | 0,5đ  |

**2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (8 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Câu 1*** | ***Câu 2*** | ***Câu 3*** | ***Câu 4*** |
| C | B | D | C |
| *0,5 điểm* | *0,5 điểm* | *0,5điểm* | *0,5điểm* |

**Câu *5:***  **(1 điểm)**

HS trả lời đúng được *1 điểm*

Gợi ý: Không chôn vùi những ước mơ, quyết tâm và nỗ lực thì ta sẽ đạt được điều ta mơ ước.

**Câu 6**: **(1 điểm)**

HS nêu được ước mơ: *(0,5 điểm)*

Nêu được việc cần làm để thực hiện được ước mơ: cố gắng nổ lực học tâp, nâng cao kiến thức, kĩ năng…. *(0,5 điểm)*

**Câu 7**: **(1 điểm)**

**Động từ chỉ trạng thái thể hiện cảm xúc....: vui sướng, tự hào.....(0,5 điểm)**

Đặt câu đúng yêu cầu (0,5 điểm)

**Câu 8: (1 điểm)**

Học sinh ghi đúng 3 từ được 1 *điểm*

Trường Tiểu học Hứa Tạo

Trạm Y tế thị trấn Ái Nghĩa

Võ Thị Sáu

**Câu 9: (1 điểm)**

DT riêng: Đồng Tháp, Tây Nam Bộ, Việt Nam (0,5 điểm)

DT chung: quê hương, cánh đồng lúa, kênh rạch, cầu khỉ, sầu riêng, người (0,5 điểm)

**Câu 10: (1 điểm)**

Chuyển câu sử dụng dấu ngoặc kép sau đây thành câu sử dụng dấu gạch ngang.

**Ông nâng bổng cô con gái nhỏ lên vai, đi thẳng ra phòng khách và hân hoan nói:**

**- Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!.**

 **II. Kiểm tra Viết: (10 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại điểm**  | **Mức 1**  | **Mức 2**  | **Mức 3**  |
| **1. Bố cục** **(1,5 điểm)**  | **(0,5 điểm)** - Bố cục chưa thật mạch lạc (Nội dung triển khai chưa thể hiện rõ 3 phần MB- TB- KB; hoặc thiếu KB ; hoặc viết MB, KB sơ sài, chưa đúng yêu cầu)  | (**1 điểm)** - Bố cục mạch lạc (Nội dung triển khai thể hiện rõ 3 phần MB- TB- KB; MB, KB đáp ứng đúng yêu cầu cơ bản của kiểu bài;…)  | **(1, 5 điểm)** - Bố cục mạch lạc, chặt chẽ (Nội dung triển khai thể hiện rõ 3 phần MB-TB-KB, trong đó MB, KB tạo được ấn tượng riêng (có sự sáng tạo)  |
| **2. Nội dung** **(4 điểm)**  | **(2 điểm)** - Nội dung bài đáp ứngyêu cầu tối thiểu, ý còn sơ sài.  | **(3 điểm)** - Nội dung đáp ứng đúng yêu cầu, đảm bảo các ý cần thiết.  | **(4 điểm)** - Nội dung phong phú, có những ý thể hiện suy nghĩ riêng, sáng tạo. |
| **3. Kĩ năng** (dùng từ, đặt câu, cách sắp xếp ý,…) **(2,5 điểm)**  | **(1,5 điểm)** - Còn mắc 4-5 lỗi về kĩ năng (VD: lỗi dùng từ, viết câu, sắp xếp ý, …).   | **(2,0 điểm)** - Còn mắc 2 - 3 lỗi về kĩ năng (VD: lỗi dùng từ, viết câu, về sắp xếp ý, …)   | **(2,5 điểm)** Hầu như không mắc lỗi về kĩ năng, hoặc chỉ mắc 1 lỗi nhỏ về dùng từ hoặc viết câu nhưng có sáng tạo trong việc lựa chọn từ ngữ, sử dụng kiểu câu hoặc sắp xếp ý,…)  |
| **4.** Hình thức trình bày, chính tả, chữ viết **(2 điểm)**  | 1. **điểm)**

-Còn mắc 6 – 9 lỗi trong bài làm được 1 điểm. (chữ viết đúng và đủ nét, trình bày bài sạch đẹp,…) -Mắc từ lỗi thứ 10 trở lên không có điểm  | **(1,5 điểm)** - Bài làm còn mắc từ 3 đến 5 lỗi. (chữ viết đúng và đủ nét, trình bày bài sạch đẹp,…)    | **(2,0 điểm)** - Bài làm hầu như không mắc lỗi hoặc mắc từ 1-2 lỗi (chữ viết đúng và đủ nét, trình bày bài sạch đẹp,…)   |

*------------------------@@@-----------------------*

**BẢNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN TIẾNG VIỆT GIỮA HỌC KÌ I - LỚP 4**

**NĂM HỌC: 2024- 2025**

**I/ KIỂM TRA ĐỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mạch kiến thức****kĩ năng** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Tổng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1 | **Đọc thành tiếng** | Số câu |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số điểm |  |  |  |  |  |  |  | ***3,0*** |
| Câu số |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Đọc hiểu văn bản** | Số câu | 3 |  | 2 |  |  | 1 | ***5*** | ***1*** |
| Câu số | *1;2;3* |  | *4* | *6* |  | *5* |  |  |
| Số điểm | *1,5* |  | *1,0* | *1,0* |  | *1.0* | ***2,5*** | ***2,0*** |
| 3 | **Kiến thức Tiếng Việt** | Số câu |  |  | 1 | 1 | 1 |  | ***2*** | ***1*** |
| Câu số |  |  | *8* | *7* | *9* |  |  |  |
| Số điểm |  |  | *0,5* | *1,0* | *1,0* |  | ***1,5*** | ***1,0*** |
| **Tổng số** | **Số câu** | ***3*** |  | ***3*** | ***1*** | ***1*** | ***1*** | ***7*** | ***2*** |
| **Số điểm** | ***1,5*** |  | ***1,5*** | ***2,0*** | ***1,0*** | ***1,0*** | ***4*** | ***3*** |

**II. KIỂM TRA VIẾT:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Tổng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1 | Viết văn | Số câu |  |  |  |  |  | 1 |  | ***1*** |
| Số điểm  |  |  |  |  |  | 10,0 |  | ***10,0*** |
| ***Tổng số câu*** |  |  |  |  |  | ***1*** |  | ***1*** |
| ***Tổng số điểm*** |  |  |  |  |  | ***10,0*** |  | ***10,0*** |